

Bản án số: 43/2021/HC-ST

Ngày:

V/v "*Kiểm Quyết định xử phạt
vi phạm hành chính*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Lài

2. Bà Lê Thị Ngọc Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 30/2021/TLST-HC ngày 11-3-2021, về việc khởi kiện "*Quyết định xử phạt vi phạm hành chính*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐXXST-HC ngày 11-6-2021, Thông báo về việc hoãn và mở lại phiên tòa số 113/2021/QĐST-HC ngày 28-6-2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa phiên tòa số 159/2021/TB-TA ngày 16-8-2021; Thông báo về việc hoãn và mở lại phiên tòa phiên tòa số 165/2021/TB-TA ngày 14-9-2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2021/QĐST-HC ngày 28-9-2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Trần Thị M, sinh năm 1950; Địa chỉ: khu phố H, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Người giám hộ cho bà M: Ông Võ Phú H, sinh năm 1960; Địa chỉ: Khu phố P1, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (là cháu bà M).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B;

Địa chỉ: Đường X, phường Y, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Huỳnh Sơn T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ;

- Ông Lê Minh T - Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công Ty Trách nhiệm hữu hạn T; Địa chỉ Số F228 đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lý Minh A, chức vụ: Tổng Giám đốc Công Ty Trách nhiệm hữu hạn T, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

(Bà M, ông T, ông H có mặt; các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 08-12-2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3684A/QĐ-XPVPHC (gọi tắt là *Quyết định số 3684A*) xử phạt hành vi chiếm đất phi nông nghiệp của bà Trần Thị M tại khu vực đô thị đối với diện tích đất 1.790,57m² thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 19 tại thị trấn P, huyện Đ; đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số CU 764720 ngày 06-02-2020 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) T. Không đồng ý với Quyết định số 3584A của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B. Vì vậy bà Trần Thị M đã khởi kiện Quyết định 3684A.

[1] Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện trình bày:

Năm 1956, cha mẹ ruột bà M là ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị C khai phá một diện tích đất tại khu vực C thuộc khu phố H, thị trấn P, huyện Đ. Năm 1984, cha bà M chết thì giao lại toàn bộ đất cho bà M và mẹ bà M cùng sử dụng.

Khi còn sống, cha mẹ bà M có lập một ngôi chùa để tu trên đất, trước năm 1975 do chiến tranh nên chùa bị phá hủy, sau năm 1975 gia đình bà M vẫn quản lý và sử dụng diện tích đất này để trồng cây ăn trái và cha mẹ cũng dựng một căn nhà tạm để ở (hiện nhà đã bị giải tỏa trong dự án B). Năm 2003, mẹ bà M chết nên bà M là người trực tiếp quản lý khu đất này.

Năm 2005, bà M đăng ký kê khai đất và ngày 10/11/2005 được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 559971 với diện tích 2.724,7m² thuộc thửa đất 383 (nay là thị trấn P), huyện Đ. Khi bà M phát hiện cấp giấy chứng nhận còn thiếu khoảng 6.000m² nên bà M nhiều lần làm đơn xin cấp bổ sung, nhưng UBND huyện Đ không trả lời, không cấp giấy chứng nhận cho bà M.

Đồng thời từ năm 2006 bà M xây dựng nhà cấp 4 trên thửa đất 383, tờ bản đồ 16 để tu hành và quản lý toàn bộ khu đất này (gồm đất được cấp giấy chứng nhận và 6.000m² chưa được cấp giấy).

Giữa năm 2020, UBND huyện Đ có thông báo cho bà M biết diện tích đất 6.000m² (chưa cấp giấy) nằm trong dự án của Công ty TNHH T và yêu cầu bà M

trả lại đất cho Công ty, nhưng bà M không đồng ý và vẫn tiếp tục sử dụng đất đến nay.

Do đó, ngày 08/12/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3684A/QĐ-XPVPHC cho rằng bà M đã có hành vi chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị đối với diện tích 1.790,57m² thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ 19 tại thị trấn P, huyện Đ (Gọi tắt là *Quyết định số 3684A*) đã được Sở Tài nguyên - Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 764720 ngày 06/02/2020 cho Công ty TNHH T.

Bà M không đồng ý với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3684A vì toàn bộ diện tích 1.790,57m² thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ 19 tại thị trấn P, huyện Đ mà bà M đang sử dụng có nguồn gốc của cha mẹ bà M để lại từ năm 1956 cho đến nay. Công ty TNHH T đã được cấp giấy chứng nhận bà M không hề biết, việc UBND thị trấn P lập biên bản xử phạt hành chính ngày 01/12/2020 bà M cũng không được mời tham dự.

Ngày 08-12-2020 bà M nhận được Quyết định số 3684A.

Vì những lý do trên, bà Trần Thị M khởi kiện, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3684A/QĐ-XPVPHC ngày 08-12-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

[2] Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B có ý kiến đối với vụ kiện như sau:

1. Nguồn gốc đất của gia đình bà Trần Thị M, tại khu vực C, khu phố H, thị trấn P, huyện Đ

Năm 2002, gia đình bà Trần Thị M (đại diện là bà Nguyễn Thị C) có đơn xin lại đất tại khu vực C, khu phố H, thị trấn P, huyện Đ. UBND tỉnh giao Sở Địa chính xác minh, tham mưu giải quyết.

Xét báo cáo số 83/BC-SĐC ngày 11/10/2002 của Sở Địa chính (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường) về kết quả xác minh đơn của bà Nguyễn Thị C, ngày 12/11/2002, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 8988/QĐ-UB về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị C. Trong đó, tại Điều 1 Quyết định nêu:

“Không thừa nhận việc xin lại 10,2 ha đất tọa lạc tại khu vực C, xã P, huyện L theo đơn của bà Nguyễn Thị C (đo đạc thực tế là 6,4575 ha, thửa 1368, tờ 3-BĐĐC xã P)”. (Sơ đồ vị trí do cán bộ địa chính xã P đo vẽ ngày 05/6/1995 theo sự chỉ ranh đất của bà Nguyễn Thị C). Đồng thời, tại Quyết định số 8288/QĐ-UB cũng có nêu: “Đối với diện tích 4.080 m² đất hiện gia đình bà Nguyễn Thị C đang sử dụng, việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích này thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện L”.

Qua kiểm tra hồ sơ thì phần đất này có diện tích 7.671m² thuộc thửa đất 383, tờ bản đồ số 16 (bản đồ địa chính năm 1998). Năm 2004, gia đình bà M bị

thu hồi 4.766,1m² trong dự án Khu du lịch B (thể hiện tại Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ số 10809/QĐ-UB ngày 14/12/2004 của UBND tỉnh), thời điểm này đất của gia đình bà M chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần diện tích còn lại của thửa đất số 383 là 2.904,9m². Năm 2005, bà Trần Thị M lập hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích còn lại của thửa đất số 383 và được đo đạc thực tế theo sự chỉ ranh đất của bà M thì có diện tích 2.724,7m² và được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 332971 ngày 10/11/2005 cho bà Trần Thị M diện tích 2.724,7m² thuộc thửa đất số 383, tờ bản đồ số 16, thị trấn P.

2. Về nguồn gốc đất của Công ty TNHH T

Ngày 02/6/2014, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1114/QĐ-UBND thu hồi 152.619,5m² đất (diện tích thực tế) tại thị trấn P, huyện Đ (trước đây UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho Công ty Cổ phần Du lịch M thuê đất tại Quyết định số 9570/QĐ-UBND ngày 15/01/2004 và Quyết định điều chỉnh số 396/QĐ-UBND ngày 08/02/2006); và giao toàn bộ diện tích thu hồi trên cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh B quản lý.

Ngày 06/12/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3476/QĐ-UBND về việc đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên diện tích 73.842m² đất tại thị trấn P, huyện Đ.

Ngày 08/4/2019, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 817/QĐ-UBND công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền khu đất 73.842m² tại thị trấn P, huyện Đ cho “Đơn vị trúng đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là Công ty TNHH T”.

Ngày 07/01/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường ký hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH T. Diện tích thuê là 73.842m² tại thị trấn P, thời hạn thuê là 50 năm, mục đích sử dụng: Đất thương mại, dịch vụ.

Ngày 06/02/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 764720 cho Công ty TNHH T với diện tích 55.569,8m² thửa đất số 30, tờ bản đồ số 19 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 764721 cho Công ty TNHH T với diện tích 18.272,2m² thửa đất số 31, tờ bản đồ số 19, thị trấn P.

3. Quan điểm của UBND tỉnh:

- Ngày 10/11/2005 UBND huyện Đ cấp GCNQSD đất số AC 559971 cho bà Trần Thị M đối với diện tích 2.724,7m² thuộc thửa đất số 383, tờ bản đồ số 16, thị trấn P. Phần đất thuộc thửa 383, nằm giữa ranh giới đất của Công ty Cổ phần B và Công ty TNHH T (nằm sau Đồn Biên phòng P, về hướng Tây Bắc).

- Năm 2004, UBND tỉnh thu hồi 160.857m² đất (năm 2006 điều chỉnh còn 154.214,2m²) để thực hiện dự án khu du lịch M thì không thu hồi đất của gia

đình Trần Thị M (thể hiện tại Quyết định số 9570/QĐ-UB ngày 15/11/2004 và Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 08/02/2006 của UBND tỉnh). - Phần diện tích 73.842m² mà Công ty TNHH T trúng đầu giá và được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm trong phần diện tích 152.619,5m² đất thể hiện tại Quyết định số I 114/QĐĐUBND ngày 02/6/2014 của UBND tỉnh.

Tuy nhiên, trong quá trình Công ty TNHH T tiến hành khảo sát khu đất và thi công hàng rào, chuẩn bị thi công công trình thì có 02 hộ là ông Trương Văn H và bà Trần Thị M đã tự ý rào chắn, lấn chiếm phần đất mà UBND tỉnh đã giao cho Công ty TNHH T và đã được cấp GCNQSD đất. Riêng bà M đã lấn chiếm diện tích 1.790,57m². Việc lấn chiếm đất của bà M đã bị UBND thị trấn P lập Biên bản vi phạm hành chính.

Căn cứ Khoản 5, Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 3684A/QĐXPVPHC ngày 08/12/2020 xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (hành vi lấn chiếm đất) đối với bà Trần Thị M là đúng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

Vì vậy, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Trần Thị M; giữ nguyên Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3684A/QĐ-XPVPHC ngày 08/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

[3] Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, tuy nhiên có vi phạm thời hạn xét xử cần rút kinh nghiệm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Bà Trần Thị M cho rằng diện tích 1.790,57m² thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 19 tại thị trấn P, huyện Đ mà bà M sử dụng có nguồn gốc của cha mẹ để lại từ năm 1956 cho đến nay, tuy nhiên không có Hồ sơ địa chính chứng minh nguồn gốc đất trên của gia đình bà M. Diện tích đất 1.790,57m² tại thị trấn P, huyện Đ là một phần trong diện tích 55.569,8m² thửa đất số 30, tờ bản đồ số 19 thị trấn P, huyện Đ do Nhà nước trực tiếp quản lý; đến ngày 06-02-2020, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 764720 cho Công ty TNHH T là có căn cứ.

Bà M đã có hành vi chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị đối với diện tích 1.790,57m² thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 19, đất tại thị trấn P, huyện Đ là vi phạm Quy định tại Khoản 5, Điều 14 và Điểm c Khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Do đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 3684A xử phạt vi phạm hành chính với bà M là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính bác đơn khởi kiện của bà Trần Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Người bị kiện được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa hai lần nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia phiên tòa. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có yêu cầu đề nghị xét xử vắng mặt. Bà Trần Thị M có lúc hạn chế về nghe nên có người giám hộ cho bà M là ông Võ Phú H, sinh năm 1960 (là cháu bà M) tham gia phiên tòa để hỗ trợ cho bà M. Căn cứ Điều 157, Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử là đúng quy định.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Trần Thị M khởi kiện Quyết định số 3684A/QĐ-XPVPHC ngày 08-12-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (gọi tắt là *Quyết định số 3684A*); đây là quyết định hành chính quy định tại khoản 1 và 2 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về xác định các đương sự: Trong vụ án Hành chính Tòa án chỉ xem xét việc M khởi kiện cầu Hủy Quyết định số 3684A; Tòa án không giải quyết các tranh chấp về quyền sử dụng đất, nếu có người nào tranh chấp về quyền sử dụng đất và tài sản trên đất với bà M có quyền khởi kiện bằng vụ án Dân sự; Do đó việc xác định các đương sự trong vụ án đã đảm bảo tố tụng Hành chính.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 08-12-2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 3684A. Ngày 30-12-2020 bà M gửi Đơn khởi kiện Quyết định số 3684A tại Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện theo điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[5] Về thẩm quyền ban hành quyết định: Quyết định số 3684A được ban hành đúng thẩm quyền, hình thức theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

[6] Về nội dung:

[6.1] Bà Trần Thị M cho rằng diện tích đất (bị xử phạt vi phạm hành chính) 1.790,57m² thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 19 tại thị trấn P, huyện Đ mà bà M đang sử dụng có nguồn gốc của cha mẹ để lại từ năm 1956 cho đến nay, tuy nhiên không có Hồ sơ địa chính chứng minh nguồn gốc đất trên của gia đình bà M.

Qua thẩm định của Tòa án ngày 10-6-2021, thì cây trồng lâu năm trên đất bị xử phạt vi phạm hành chính như cây dừa, nhãn mít, bưởi, sầu riêng..., mới trồng khoảng từ 01 năm đến 2 năm. Do đó bà M cho rằng đất của cha mẹ sử dụng từ năm 1956 là không phù hợp.

Phần đất 1.790,57m² tại thị trấn P, huyện Đ là một phần trong diện tích 55.569,8m² thửa đất số 30, tờ bản đồ số 19 thị trấn P, huyện Đ do Nhà nước trực tiếp quản lý qua các thời kỳ; đến ngày 06-02-2020, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 764720 cho Công ty TNHH T diện tích 55.569,8m² thửa đất số 30, tờ bản đồ số 19 là có căn cứ.

Bà M đã có hành vi chiếm đất phi nông nghiệp trong khu vực đô thị đối với diện tích 1.790,57m² thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 19, đất tại thị trấn P là vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 14, Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Do đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 3684A xử phạt vi phạm hành chính với bà M là có căn cứ.

[6.2] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ phân tích và nhận định trên, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định tài sản: Yêu cầu khởi kiện của bà M là không có căn cứ chấp nhận, nên bà M phải chịu và đã nộp xong.

[9] Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Trần Thị M là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn nộp án phí, nên được miễn theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng: Điều 57 và 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Khoản 1 Điều 4, Điểm c Khoản 4 Điều 14, Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 19-11-2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận khởi kiện của bà Trần Thị M yêu cầu hủy Quyết định số 3684A/QĐ-XPVPHC ngày 08-12-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Trần Thị M được miễn nộp án phí.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA**

Đào Đức Thiện